

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST

Ngaøy: 24 - 3 - 2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Mai Trần Phúc

2- Ông Nguyễn Văn Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2021/TLST, ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST – DS ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Thông báo hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 07 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1964; trú tại: Tổ 3, ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện ủy quyền của Bà R là chị Nguyễn Thụy Thúy A, sinh năm 1987; trú tại: Tổ 12, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977; trú tại: Tổ 7, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà R và đại diện ủy quyền của Bà R vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông H có mặt tại Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Nguyễn Thị R và Đại diện ủy quyền của Bà R là bà Nguyễn Thụy Thúy A trình bày:*

Bà Nguyễn Thị R là chủ hội, Ông Nguyễn Thanh H có tham gia chơi hội như sau:

Hội 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, gồm 21 phần, hội khai ngày 12-01-2020 âm lịch (tức là ngày 05-02-2020 dương lịch), hội chưa mãn, Ông H tham gia 01 phần, bỏ thăm hốt đầu tiên kêu 1.170.000 đồng, hốt được tổng số tiền là 35.000.000 đồng đã trừ cò. Sau khi hốt hội thì Ông H không đóng lại hội chết, Bà R phải choàng hội cho ông đến tháng 6 năm 2020 là 16 kỳ, số tiền đã choàng hội là 48.000.000 đồng. Bà R khởi kiện yêu cầu Ông H trả số tiền hội bà đã choàng là 48.000.000 đồng.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021 Bà R khởi kiện bổ sung, vì đây hội trên đã mãn, Bà R đã phải choàng hội thêm cho Ông H 4 kỳ hội chết nữa, số tiền bà đã choàng là 12.000.000 đồng

Tổng số tiền hội Bà R đã choàng hội cho Ông H là 60.000.000 đồng, Ông H đã đóng hội chết được 21.000.000 đồng, còn nợ lại là 39.000.000 đồng. Nay Bà R yêu cầu Ông H có trách nhiệm trả số nợ là 39.000.000 (ba mươi chín triệu) đồng tiền nợ hội, không tính lãi.

- Theo bị đơn Ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Nay anh thống nhất có chơi hội như Bà R trình bày nhưng số tiền nợ là xuất phát từ trước đó anh có vay tiền của Bà R số tiền vay là 30.000.000 đồng nhưng trả lãi mỗi tháng 9.000.000 đồng nên không trả được, Bà R tự chơi hội và hốt hội được 35.000.000 đồng và tự trừ vào tiền nợ, tiền lãi hết, anh Hoài cũng không nhận số tiền nợ hội trên, anh đồng ý đóng lại hội chết cho Bà R. Sau khi hốt xong anh đóng lại hội ngày cho Bà R, mỗi ngày đóng 100.000 đồng, cứ 5 ngày thì Bà R gom 1 lần, mỗi tháng đóng đủ 3.000.000 đồng, đóng xuyên suốt đến tháng 5 năm 2021 mới ngưng. Vì đóng tiền ngày nên không nhớ rõ còn nợ Bà R hội chết là bao nhiêu. Chỉ nhớ ngưng đóng hội là giữa tháng 5/2021 đến ngày 18-8-2021 mãn hội. Anh chỉ

còn nợ Bà R 6.000.000 đồng, đồng ý trả nhưng xin trả góp mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại Tòa vị Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng có căn cứ theo quy định của pháp luật về việc tổng đạt cho các đương sự cũng như xác định tư cách tham gia tố tụng và trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 13, 16, 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị R, buộc Ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả số tiền 10.500.000 đồng cho Bà R; Ghi nhận Bà R không tính lãi.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Bà R về số tiền 28.500.000 đồng

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị R và đại diện ủy quyền của Bà R vắng mặt có đơn xin vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bà R và đại diện ủy quyền của Bà R là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị R khởi kiện yêu cầu Ông Nguyễn Thanh H trả số tiền 39.000.000 (Ba mươi chín triệu) đồng tiền nợ hội.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với số tiền nợ hội Bà R yêu cầu Ông H trả tiền hội chết còn nợ 39.000.000 đồng thì thấy rằng: Các bên đã thống nhất là có tham gia chơi hội đây

hụi 3.000.000 đồng/tháng, hụi khai ngày 12-01-2020 âm lịch, gồm 21 phần. Dây hụi này sẽ mãn vào tháng 8/2021 âm lịch (vì tháng 4 năm 2020 nhuận nên có 2 tháng). Theo chứng cứ Bà R cung cấp cho Tòa là danh sách hụi viên tham gia của dây hụi trên thể hiện Ông H có tham gia 01 phần và Ông H cũng thừa nhận có tham gia dây hụi này nhưng bà không cung cấp được sổ hụi gốc đóng hụi hàng tháng cho Tòa, trong khi thời điểm bà khởi kiện đến Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì dây hụi này chưa mãn và còn nhiều dây hụi khác bà kiện tại Tòa cũng chưa mãn. Bà không cung cấp được sổ hụi bản chính cho Tòa để xem xét việc Ông H đóng hụi chết cho bà vào sổ hụi là từ tháng nào và mỗi hụi viên tham gia đóng hụi của dây hụi này, ai hốt tháng nào, kêu bao nhiêu để hốt và ai ngưng không đóng hụi chết từ tháng nào. Trong khi sổ hụi là do Bà R giữ để duy trì việc theo dõi đóng hụi và tính hụi cho các hụi viên mỗi tháng nên không thể không cung cấp cho Tòa được. Việc Bà R là chủ hụi không cung cấp chứng cứ do bà đang giữ cho Tòa nên không chứng minh được Ông H ngưng không đóng hụi chết cho Bà R từ thời gian nào và không thể theo lời trình bày của Bà R được vì bà không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà. Việc bà không cung cấp được sổ hụi cho Tòa thể hiện hụi mở không minh bạch, rõ ràng giữa chủ hụi và hụi viên, không rõ ràng về việc kêu hụi, hốt hụi, đóng hụi hàng tháng cho rõ ràng. Hụi viên chơi hụi do bà làm chủ, họ kêu hụi được hốt là sự thỏa thuận của tất cả hụi viên khi tham gia chơi hụi, Ông H cũng là hụi viên tham gia chơi và hốt hụi chứ không vay mượn tiền của bà nhưng giấy hốt hụi, đăng hụi Bà R ghi giấy mượn nợ hụi là chưa chính xác nên lời trình bày của Bà R là chưa đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Tuy nhiên, Ông H cũng thừa nhận là có ký vào giấy nhận tiền hụi trên nhưng không nhận tiền vì trả hết tiền vốn và tiền lãi trước đó Ông H vay của Bà R, khi hốt hụi xong Ông H đã đóng hụi chết cho Bà R theo hình thức góp hàng ngày mỗi ngày góp 100.000 đồng, cứ 5 ngày Bà R gom 1 lần và mỗi tháng đóng đủ 3.000.000 đồng cho bà, đóng đầy đủ đến giữa tháng 5/2021 do dịch bệnh nên ngưng không đóng, Ông H đồng ý trả số tiền nợ hụi còn thiếu 6.000.000 đồng cho Bà R và xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng. Do Bà R không cung cấp được sổ hụi nên Ông H thừa nhận và trình bày là có căn cứ để Hội đồng xem xét.

Ông H thừa nhận đã đóng hụi chết đến giữa tháng 5/ 2021 nên số tiền nợ hụi chết còn lại chưa đóng là 3,5 tháng với số tiền là 10.5000.000 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà R đối với Ông H là phù hợp.

Như vậy, Ông H phải trả số tiền nợ hui cho Bà R là 10.500.000 đồng. Ghi nhận Bà R không tính lãi.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà R và Ông H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 13, 16, 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phùng; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị R về tranh chấp hợp đồng góp hui đối với Ông Nguyễn Thanh H.

Buộc Ông Nguyễn Thanh H có trách nhiệm trả cho Bà Nguyễn Thị R số tiền nợ hui là 10.500.000 (mười triệu năm trăm ngàn) đồng. Ghi nhận Bà R không yêu cầu tính lãi.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Bà R kiện Ông H về số tiền 28.500.000 (hai mươi tám triệu năm trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí:

Ông H phải chịu 525.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Bà R phải chịu 1.425.000 (một triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm dân sự của số tiền không được chấp nhận. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí Bà R đã nộp tổng cộng 1.500.000 đồng theo các biên lai thu số

0007444 ngày 15 tháng 6 năm 2021 và biên lai thu số 0016933 ngày 19 tháng 11 năm 2021. Bà R được nhận lại số tiền 75.000 (bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các bên đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***

Nơi nhận:

- Đương sự;*
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;*
- THA Dân sự huyện C*
- Lưu hồ sơ;*
- Lưu tập án.*

Cái Thị Minh Tâm